VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch

(Tiếp theo Công báo số 477 + 478)

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA
(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia**	CG1, CG2, CG3, CG4	50
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3	120
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	11
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	25
b.4	Nội dung chính của quy hoạch	CG1, CG2	120
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	7

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	12
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	12
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch**	CG2, CG3	15
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3	6
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**		
a	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	350
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3, CG4	70
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1, CG2, CG3, CG4	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3, CG4	160
2	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	270
b	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn	CG1, CG2, CG3, CG4	250

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất	CG1, CG2, CG3, CG4	90
d	Phân tích đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất, biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	CG1, CG2, CG3, CG4	280
đ	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước trên cơ sở các chỉ tiêu quy hoạch	CG1, CG2, CG3	270
e	Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai trong lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực phi nông nghiệp và tiềm năng của nhóm đất chưa sử dụng	CG1, CG2, CG3	280
3	**Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất**		
a	Biến động sử dụng đất nông nghiệp	CG1, CG2, CG3	130
b	Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp	CG1, CG2, CG3	140
c	Biến động đất chưa sử dụng	CG1, CG2, CG3	70
4	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Quan điểm sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia	CG1, CG2	120
b	Mục tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	CG1, CG2	150
5	**Định hướng sử dụng đất thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 - 50 năm**	CG1, CG2	250

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
6	**Xây dựng phương án sử dụng đất đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**		
a	Xây dựng phương án sử dụng đất nông nghiệp đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3	350
b	Xây dựng phương án sử dụng đất phi nông nghiệp đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3	550
c	Xây dựng phương án sử dụng đất chưa sử dụng đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3	85
7	**Xác định và khoanh định cụ thể diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia**		
a	Đất trồng lúa (trong đó có đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt); đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất (trong đó có đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên)	CG1, CG2, CG3	550
b	Đất khu công nghiệp; đất khu kinh tế; đất khu công nghệ cao; đất đô thị; đất quốc phòng; đất an ninh; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia gồm đất giao thông, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông; đất xây dựng kho dự trữ quốc gia, đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất bãi thải, xử lý chất thải	CG1, CG2, CG3	650

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Đất chưa sử dụng, gồm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch và đất chưa sử dụng còn lại	CG1, CG2, CG3	100
8	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu và xây dựng các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	125
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b.2	Bản đồ định hướng sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	250
b.3	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	550
b.4	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	650
9	**Đánh giá tác động của phương án phân bổ và tổ chức không gian sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh**	CG1, CG2	150
10	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	CG1, CG2	90
b	Xác định các nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	CG1, CG2	90
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất	CG1, CG2	75

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1	280
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1	50
12	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	80
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	80
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	60
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	150
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	250

Phụ lục VI

ĐỊNH MỨC TRỰC TIẾP CHO QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA

(Kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

VI-1. ĐỊNH MỨC QUY HOẠCH NGÀNH KẾT CẤU HẠ TẦNG

VI-1.1. QUY HOẠCH KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG VẬN TẢI[2]

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG3, CG4	28
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	30
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	30
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	2
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	7
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG3	9
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	5

[2] Áp dụng đối với các quy hoạch: (i) Quy hoạch mạng lưới đường bộ; (ii) Quy hoạch mạng lưới đường sắt; (iii) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển; (iv) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; (v) Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra,…)	CG2, CG3, CG4	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng giao thông	CG2, CG3, CG4	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	127
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3, CG4	82
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hạ tầng giao thông**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	87
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	53
3	**Phân tích đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh, thực trạng phân bố và sử dụng không gian của kết cấu hạ tầng giao thông**		
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng giao thông	CG2, CG3,	83
b	Phân tích, đánh giá các yếu tố về nguồn lực cho phát triển hạ tầng giao thông	CG2, CG3,	110
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của kết cấu hạ tầng giao thông	CG2, CG3, CG4	160
4	**Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2, CG3, CG4	288
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Phân tích, đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong nước và quốc tế	CG1, CG2, CG3	66
b	Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng giao thông vận tải với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	66
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, những cơ hội và thách thức đối với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**		
a	Xác định các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, gồm nhu cầu vận tải, phương thức vận tải, ứng dụng công nghệ và phương tiện mới trong giao thông vận tải	CG1, CG2, CG3	82
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức phát triển ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	65
7	**Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2	105
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2	143
8	**Xây dựng phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		
a	Định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; xác định quy mô, mạng lưới đường, luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	CG1, CG2, CG3	250
b	Xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ gắn với phân cấp, phân loại theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng công trình trong hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải	CG1, CG2, CG3	200

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong nước và quốc tế; kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải với hệ thống đô thị và nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi, hệ thống du lịch và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác	CG1, CG2, CG3	150
d	Giải pháp về quản lý khai thác và bảo đảm an toàn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trước rủi ro thiên tai và bối cảnh biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3	100
9	**Xác định định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**	CG1, CG2, CG3	270
10	**Xác định các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải**	CG1, CG2, CG3	220
11	**Xác định Danh mục các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	83
12	**Xác định giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	132
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành	CG1, CG2, CG3	52
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ,	CG1, CG2, CG3	103
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	47
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	52

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
e	Giải pháp về về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	52
13	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ hạ tầng giao thông quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	38
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	218
b.3	Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	104
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG5	75
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	155
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia	CG1, CG2, CG3	70
14	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
15	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	40

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
16	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100

VI-1.2. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN QUỐC GIA

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn**	CG1, CG2, CG3, CG4	26
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	28
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	12
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	13
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	30
b.4	Nội dung chính lập quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	18

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3, CG4	7
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	4
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	22
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	25
3	**Xây dựng dự toán quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG2, CG3, CG4	8
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3, CG4	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	69
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3, CG4	109
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	53
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1, CG2, CG3, CG4	21
2	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường, hiện trạng hoạt động khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	67

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Đánh giá việc thực hiện quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia kỳ trước; hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	75
c	Đánh giá tình hình phân vùng rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn và theo dõi, giám sát thiên tai khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	86
d	Đánh giá biến động theo không gian, thời gian các yếu tố khí tượng thủy văn cần quan trắc	CG1, CG2, CG3, CG4	27
đ	Xác định nhu cầu thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	38
e	Đánh giá tác động của phát triển khoa học và công nghệ đến hoạt động khí tượng thủy văn	CG1, CG2, CG3, CG4	56
3	**Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2, CG3, CG4	192
4	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trong nước với khu vực và thế giới	CG1, CG2, CG3, CG4	83
b	Phân tích, đánh giá, làm rõ mối liên kết giữa mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3, CG4	88
e	Xử lý tổng hợp về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	CG1, CG2	8
5	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, những cơ hội và thách thức trong việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn về quy mô, công nghệ, kỹ thuật dự báo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	CG1, CG2, CG3, CG4	146
b	Phân tích, đánh giá tiềm năng, lợi thế, cơ hội, thách thức phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	70
c	Xử lý tổng hợp các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, những cơ hội và thách thức trong việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	CG1, CG2	9
6	**Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển ngành khí tượng thủy văn quốc gia trên phạm vi cả nước, các vùng lãnh thổ và thông tin, dữ liệu quốc gia từ các khu vực có liên quan**	CG1, CG2, CG3, CG4	167
7	**Phương án phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia**		
a	Xác định mật độ, số lượng, vị trí, danh sách trạm, nội dung quan trắc của từng loại trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3, CG4	52
b	Lập bản đồ quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	120
8	**Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và các hoạt động quan trắc liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia**	CG1, CG2, CG3, CG4	161
9	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	63

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	98
c	Xử lý tổng hợp danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2, CG3, CG4	11
10	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	102
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	96
c	Giải pháp về khoa học, công nghệ	CG1, CG2, CG3, CG4	91
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3, CG4	90
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3, CG4	67
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	97
11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	225
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	20
12	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	180
b.2	Bản đồ quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b.3	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	80
13	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	30
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
14	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100

VI-1.3. QUY HOẠCH TỔNG THỂ VỀ NĂNG LƯỢNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG3, CG4	30
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	10
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	30
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	10
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	2
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	7
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG3	9
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra,…)	CG2, CG3, CG4	56
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về ngành KCHT được lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	205
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	173
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3, CG4	157
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có tác động đến phát triển hạ tầng năng lượng**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	87

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	138
3	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên và môi trường có ảnh hưởng đến các nguồn năng lượng quốc gia	CG2, CG3, CG4	176
b	Phân tích, đánh giá nguồn lực và bối cảnh ảnh hưởng tới các nguồn năng lượng quốc gia	CG2, CG3, CG4	225
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia		
c.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng điện lực	CG1, CG2, CG3, CG4	230
c.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng khai thác và chế biến than	CG1, CG2, CG3, CG4	163
c.3	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng khai thác và chế biến dầu khí	CG1, CG2, CG3, CG4	200
c.4	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng khác	CG1, CG2, CG3, CG4	165
4	**Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**	CG1, CG2, CG3	234
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng năng lượng trong nước với quốc tế	CG1, CG2, CG3	80

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trên phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	73
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống kết cấu năng lượng quốc gia; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành năng lượng**		
a	Dự báo nhu cầu năng lượng quốc gia, phân tích nguồn cung cấp năng lượng quốc gia	CG1, CG2, CG3	270
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức đối với việc phát triển ngành năng lượng và hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	265
7	**Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2	110
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2, CG3	180
8	**Nghiên cứu xây dựng phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		
a	Xây dựng phương án phát triển tổng thể năng lượng quốc gia; kết hợp hài hòa và cân đối giữa các ngành than, dầu khí, điện lực và các nguồn năng lượng khác	CG1, CG2, CG3	418
b	Phân bố không gian phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, bao gồm quy mô công trình, địa điểm hoặc hướng, tuyến dự kiến bố trí công trình	CG1, CG2, CG3	250
9	**Xác định định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**	CG1, CG2, CG3	302
10	**Xác định các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia**	CG1, CG2, CG3	228

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
11	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng năng lượng và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng năng lượng trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	80
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	180
12	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	148
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3	92
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	120
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	92
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	92
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	131
13	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	45
b.2	Bản đồ hiện trạng ngành kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG2, CG3, CG4	250
b.3	Bản đồ định hướng phát triển ngành kết cấu tầng năng lượng quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	165
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	130
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng năng lượng quốc gia	CG2, CG3, CG4	113
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3	130
14	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	300
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
15	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	60
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	60
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
16	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	100

VI-1.4. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG3, CG4	28
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	30
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	10
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	30
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	2
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	7
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG3	9
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra,…)	CG2, CG3, CG4	42
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về kết cấu hạ tầng điện lực	CG2, CG3, CG4	125
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	87

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3, CG4	98
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có ảnh hưởng đến phát triển điện lực**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	95
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	115
3	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2, CG3, CG4	110
b	Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2, CG3, CG4	145
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia		
c.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng nguồn điện (các nhà máy điện có quy mô công suất tương ứng với công trình cấp III trở lên)	CG2, CG3, CG4	200
c.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng phân phối điện (hệ thống lưới điện 500 kV, 220 kV, 110 kV)	CG2, CG3, CG4	260
4	**Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2, CG3	120
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển điện lực**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực trong nước với các nước trong khu vực	CG1, CG2, CG3	65

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Phân tích, đánh giá, làm rõ mối liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng điện lực với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	94
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, xác định những cơ hội và thách thức phát triển của ngành điện lực**		
a	Dự báo nhu cầu điện theo địa phương, vùng lãnh thổ và toàn quốc	CG1, CG2, CG3	152
b	Đánh giá các nguồn năng lượng sơ cấp, năng lượng tái tạo cho phát điện và các năng lượng khác; khả năng khai thác, khả năng xuất nhập khẩu điện; đánh giá khả năng trao đổi điện giữa các vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	79
c	Phân tích, đánh giá tiềm năng và lợi thế, cơ hội, thách thức, hạn chế tồn tại trong phát triển điện lực quốc gia	CG1, CG2, CG3	50
7	**Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển điện lực quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2	105
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2	146
8	**Xây dựng phương án phát triển điện lực quốc gia**		
a	Xây dựng phương án phát triển nguồn điện	CG1, CG2, CG3	133
b	Xây dựng phương án phát triển lưới điện	CG1, CG2, CG3	178
c	Xây dựng phương án liên kết lưới điện khu vực	CG1, CG2, CG3	95
d	Xây dựng định hướng phát triển điện nông thôn	CG1, CG2, CG3	178
đ	Xây dựng mô hình tổ chức quản lý ngành điện	CG1, CG2, CG3	133
e	Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các phương án, chương trình phát triển điện lực quốc gia	CG1, CG2, CG3	87

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
9	**Xác định định hướng bố trí sử dụng đất cho công trình điện lực**	CG1, CG2, CG3	92
10	**Xác định các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia liên quan đến xây dựng, phát triển công trình điện lực**	CG1, CG2, CG3	143
11	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành điện lực và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành điện lực trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	65
12	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp bảo đảm an ninh cung cấp điện	CG1, CG2, CG3	67
b	Giải pháp tạo nguồn vốn và huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện	CG1, CG2, CG3	105
c	Giải pháp về pháp luật, chính sách	CG1, CG2, CG3	82
d	Giải pháp về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai	CG1, CG2, CG3	95
đ	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	57
e	Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả	CG1, CG2, CG3	67
g	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	57
h	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	47
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực	CG1, CG2, CG3	97

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
13	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của hạ tầng điện lực quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	38
b.2	Bản đồ hiện trạng ngành kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2, CG3, CG4	218
b.3	Bản đồ định hướng phát triển ngành kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	104
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG5	75
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG2, CG3, CG4	155
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng điện lực quốc gia	CG1, CG2, CG3	70
14	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
15	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
16	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG1, CG2	100
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2	100

VI-1.5. QUY HOẠCH HẠ TẦNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT QUỐC GIA

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG2, CG3, CG4	40
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	5
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	63
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	5
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	11

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2	9
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	9
B	**ĐỊNH MỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3	74
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3	269
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	107
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	82
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu môi trường bên ngoài lãnh thổ, ngành được lập quy hoạch**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	79
b	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	79
c	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3	33
3	**Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	97
b	Phân tích, đánh giá các điều kiện về tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	87

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Phân tích, đánh giá các yếu tố về chính trị tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	97
d	Phân tích, đánh giá các yếu tố về kinh tế - xã hội tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	97
đ	Phân tích, đánh giá các yếu tố về quốc phòng - an ninh tác động tới phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	93
e	Thực trạng hệ thống kho cảng xăng dầu đầu mối, kho xăng dầu dự trữ chiến lược và dự trữ lưu thông, hệ thống tuyến ống xăng dầu trên phạm vi cả nước	CG2, CG3	93
g	Phân tích, đánh giá thực trạng về phân bố, sử dụng không gian của dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	87
h	Phân tích làm rõ những ưu thế và hạn chế của hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	87
i	Dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển quốc gia của hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia quan trọng	CG1, CG2, CG3	105
k	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1, CG2,	54
4	**Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Phân tích dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	98
b	Tổng hợp khuyến cáo về bố trí và phát triển các kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt theo các vùng	CG2, CG3	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Phân tích đánh giá tính đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG2, CG3	100
d	Phân tích làm rõ mối liên kết giữa kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trên cùng địa bàn	CG2, CG3	100
đ	Báo cáo tổng hợp về dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
5	**Đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong phạm vi cả nước; sự liên kết giữa hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt trong nước với quốc tế	CG1, CG2, CG3	72
b	Đánh giá sự liên kết giữa hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	82
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1, CG2, CG3	62
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia những cơ hội và thách thức phát triển**		
a	Dự báo nhu cầu phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình thay thế, công nghệ, kỹ thuật xây dựng và vận hành	CG1, CG2, CG3	94
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG2, CG3	137

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia những cơ hội và thách thức phát triển	CG1, CG2, CG3	62
7	**Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2, CG3	95
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2, CG3	108
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	56
8	**Phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		
a	Luận chứng phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	136
b	Định hướng phân bố, sử dụng không gian phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia đảm bảo liên kết ngành và liên kết vùng	CG1, CG2, CG3, CG4	136
c	Xác định quy mô công trình, địa điểm và hướng, tuyến dự kiến bố trí công trình hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG1, CG2, CG3, CG4	136
d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	69
9	**Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và các hoạt động bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia		
a	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn cả nước và theo vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	84
b	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn cả nước và theo vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	84
c	Xây dựng các chương trình, hoạt động đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1, CG2, CG3	84
d	Dự báo các kịch bản phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	84
đ	Dự báo các kịch bản bảo vệ môi trường, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1, CG2, CG3	84
e	Xây dựng báo cáo tổng hợp về định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và các hoạt động bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG1, CG2	39
10	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	52

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	52
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2	25
11	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	56
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3	56
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	56
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	56
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	56
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	56
g	Xây dựng báo cáo tổng hợp các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	37
12	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.1	Xây dựng bản đồ vị trí và mối liên hệ hiện trạng hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt Việt Nam trong khu vực và trên thế giới	CG2, CG3, CG4	111
b.2	Bản đồ đánh giá hiện trạng hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG3, CG4	126
b.3	Xây dựng bản đồ quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG3, CG4	126
b.4	Xây dựng bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư liên quan đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia	CG3, CG4	126
b.5	Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm thuộc hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG3, CG4	126
b.6	Xây dựng bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm thuộc hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	CG3, CG4	126
13	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3	200
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3	30
14	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	50
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	50
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
15	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	50

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	100

VI-1.6. QUY HOẠCH HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG3, CG4	20
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	25
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	10
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	15
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	20
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	70
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	2
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	7
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG3	9
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra,…)	CG2, CG3, CG4	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về KCHT thông tin và truyền thông	CG2, CG3, CG4	150
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	57
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3, CG4	87
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài có ảnh hưởng đến phát triển điện lực**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	70
3	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên và môi trường có ảnh hưởng đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	87
b	Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh có ảnh hưởng tới phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	113
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia		
c.1	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng viễn thông	CG2, CG3, CG4	60
c.2	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình	CG2, CG3, CG4	80

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c.3	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng bưu chính công cộng	CG2, CG3, CG4	45
4	**Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2, CG3	152
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng thông tin và truyền thông trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng thông tin và truyền thông trong nước với quốc tế	CG1, CG2, CG3	50
b	Đánh giá sự liên kết giữa giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với các hạ tầng khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	45
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng thông tin và truyền thông; những cơ hội và thách thức phát triển của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia**		
a	Dự báo nhu cầu thông tin và truyền thông về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình phương tiện thay thế, công nghệ và vận hành	CG1, CG2, CG3	73
b	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông	CG1, CG2, CG3	66
7	**Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển ngành kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2	120
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2	140
8	**Xây dựng phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Xác định phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông	CG1, CG2, CG3	123
b	Xác định phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình	CG1, CG2, CG3	133
c	Xác định phương án phát triển mạng bưu chính công cộng	CG1, CG2, CG3	47
d	Xác định phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin	CG1, CG2, CG3	50
đ	Xác định phương án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG3	103
e	Xác định các chỉ tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	92
9	**Xác định định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia**	CG1, CG2, CG3	180
10	**Xác định các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông**	CG1, CG2, CG3	160
11	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông, thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	40
b	Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	70
12	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp cơ chế chính sách phát triển viễn thông và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin	CG1, CG2, CG3	70

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	47
c	Giải pháp về khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	65
d	Giải pháp huy động vốn và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	120
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	37
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	52
13	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	36
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	171
b.3	Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	94
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG5	70
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG2, CG3, CG4	118
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia	CG1, CG2, CG3	87

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
14	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	200
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
15	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
16	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2	100

VI-1.7. QUY HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THỦY LỢI

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi**	CG1, CG2, CG3	60
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	7

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	35
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2 CG3, CG4	95
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	7
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	7
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	10
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3	12
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2,	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2, CG3, CG4	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	50
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2, CG3	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2	30
2	**Phân tích, đánh giá yếu tố điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh, thực trạng phân bố và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh	CG1, CG2, CG3	190
b	Thực trạng phân bố và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi	CG2, CG3	190

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo xu thế phát triển, xu thế nguồn nước, tác động của xu thế phát triển và xu thế nguồn nước đến hoạt động phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG2, CG3	200
b	Dự báo tác động của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan trong điều kiện biến đổi khí hậu đến tính bền vững của các công trình phòng, chống thiên tai	CG2, CG3	190
c	Dự báo tác động của tiến bộ khoa học, công nghệ và nguồn lực tới phòng chống, thiên tai và thủy lợi	CG2, CG3	90
d	Xây dựng kịch bản phát triển trong thời kỳ quy hoạch liên quan trực tiếp đến phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2	200
4	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong phạm vi cả nước	CG1, CG2, CG3	140
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	140
c	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ, mức độ khép kín của hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai ven biển trong việc bảo vệ vùng ven biển trước nguy cơ biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, ngập lụt và xói lở, bồi tụ	CG1, CG2, CG3	140
5	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi; cơ hội và thách thức phát triển của ngành**		
a	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực chống thiên tai và thủy lợi về quy mô, loại hình, công nghệ	CG1, CG2	145

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức phát triển đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	145
6	**Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi**		
a	Xác định các quan điểm phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu và định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2	90
7	**Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và từng vùng lãnh thổ**		
a	Phân tích, tính toán và xây dựng phương án quy hoạch công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai và công trình liên quan đến phòng, chống thiên tai theo các kịch bản phát triển thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi lưu vực sông, vùng, toàn quốc; đảm bảo tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, phòng, chống lũ, bão, nước dâng, ngập lụt, úng, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác trên phạm vi cả nước	CG2, CG3	280
b	Đề xuất giải pháp công trình, giải pháp phi công trình theo kịch bản phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và từng vùng lãnh thổ	CG1, CG2	190
c	Đề xuất các giải pháp liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng lãnh thổ	CG1, CG2	200
8	**Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai và các hoạt**	CG2, CG3	180

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi		
9	**Danh mục dự án quan trọng, dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi, thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư thuộc lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
b	Luận chứng xây dựng danh mục các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai quy mô liên vùng, liên tỉnh, công trình quy mô lớn; dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG2, CG3	90
10	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1, CG2, CG3	150
b.2	Bản đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2, CG32	120
b.3	Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2, CG3	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng, dự án ưu tiên đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2, CG3	120
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2, CG3	120
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi	CG1, CG2, CG3	110
11	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2	96
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2	96
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2	96
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2	96
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2	96
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	96
12	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	40
13	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	50
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	50
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
14	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG2, CG3	120

Ghi chú:

Định mức Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi tại Thông tư này không bao gồm công tác khảo sát kỹ thuật (địa hình, thủy văn, địa chất, chất lượng nước); không bao gồm nội dung tính toán các mô hình (mô hình toán, mô hình vật lý) liên quan đến thủy văn, thủy lực, cân bằng nước nhằm phục vụ tính toán, đề xuất giải pháp quy hoạch.

VI-1.8. QUY HOẠCH HỆ THỐNG DU LỊCH

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG2, CG3, CG4	40
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	70
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	5
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	63
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
c	Xây dựng các yêu cầu tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	5
d	Xây dựng yêu cầu về kế hoạch, tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	11
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2	9
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	9
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3	74
b	Điều tra khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3	350

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG2, CG3, CG4	107
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	82
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu môi trường bên ngoài lãnh thổ, ngành được lập quy hoạch**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố tự nhiên và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	79
b	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu về các yếu tố kinh tế - xã hội cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	59
c	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3	33
3	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống du lịch quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến hệ thống du lịch quốc gia	CG2, CG3, CG4	99
b	Phân tích, đánh giá vị trí, vai trò, lợi thế của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia	CG2, CG3, CG4	99
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường quốc gia	CG2, CG3, CG4	99
d	Phân tích, đánh giá thị trường du lịch Việt Nam, bối cảnh thị trường du lịch của khu vực và quốc tế	CG2, CG3, CG4	99
đ	Phân tích, đánh giá các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội khác của cả nước và của vùng tác động đến quy hoạch phát triển du lịch trong thời kỳ quy hoạch và tương lai	CG2, CG3, CG4	99
e	Phân tích khả năng thu hút đầu tư và nguồn lực phát triển du lịch	CG2, CG3, CG4	99
g	Phân tích xác định nhu cầu phát triển hệ thống du lịch quốc gia và theo vùng lãnh thổ phù hợp với nhiệm vụ	CG2, CG3, CG4	99

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch thế giới		
h	Phân tích, đánh giá thực trạng về phân bố, sử dụng không gian của tài nguyên du lịch	CG2, CG3, CG4	99
i	Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hạ tầng phục vụ phát triển du lịch và khả năng đáp ứng với yêu cầu phát triển du lịch quốc tế	CG2, CG3	99
k	Dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển quốc gia của hệ thống hạ tầng du lịch	CG1, CG2, CG3	105
l	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống du lịch quốc gia	CG1, CG2	53
4	**Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển khách du lịch nội địa và thị trường du lịch trong nước	CG1, CG2, CG3	75
b	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển khách du lịch quốc tế và thị trường du lịch quốc tế	CG2, CG3	102
c	Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển các sản phẩm du lịch trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	102
d	Dự báo về biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3	102
đ	Xây dựng báo cáo tổng hợp về dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	51
5	**Đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống du lịch**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống du lịch trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng du lịch trong nước và quốc tế	CG1, CG2, CG3	55
b	Đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng du lịch với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	55
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống du lịch	CG1, CG2, CG3	51
6	**Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với phát triển du lịch; những cơ hội và thách thức phát triển của kết cấu hạ tầng hệ thống du lịch quốc gia**		
a	Xác định nhu cầu phát triển hệ thống du lịch trên cả nước và theo vùng lãnh thổ phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3	101
b	Đánh giá khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch so với yêu cầu phát triển	CG2, CG3	113
c	Phân tích, đánh giá các cơ hội, thách thức trong phát triển hệ thống du lịch quốc gia	CG2, CG3	113
d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với phát triển du lịch; những cơ hội và thách thức phát triển của kết cấu hạ tầng hệ thống du lịch quốc gia	CG1, CG2	61
7	**Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2, CG3	106
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2, CG3	106

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp về xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	52
8	**Phương án phát triển hệ thống du lịch quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		
a	Định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch, hệ thống khu du lịch quốc gia; giải pháp phát triển kiến trúc và cảnh quan	CG1, CG2, CG3, CG4	110
b	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quốc gia; xác định các chỉ tiêu phát triển du lịch	CG1, CG2, CG3, CG4	110
c	Định hướng phát triển thị trường du lịch và các sản phẩm du lịch chủ yếu	CG1, CG2, CG3, CG4	110
d	Xây dựng báo cáo tổng hợp về phương án phát triển hệ thống du lịch quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	48
9	**Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống du lịch quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến việc phát triển hệ thống du lịch quốc gia**		
a	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch trên địa bàn cả nước và theo vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	86
b	Xác định vị trí, diện tích, ranh giới và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật với các khu vực thuộc hệ thống du lịch quốc gia	CG1, CG2, CG3	86
c	Xây dựng các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch quốc gia	CG1,CG2,CG3	86
d	Xây dựng các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch quốc gia	CG1, CG2, CG3	86

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ	Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ về bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến việc phát triển hệ thống du lịch quốc gia	CG1, CG2, CG3	86
e	Xây dựng báo cáo tổng hợp về định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống du lịch quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến việc phát triển hệ thống du lịch quốc gia	CG1, CG2	39
10	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư cho phát triển du lịch và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	56
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành về phát triển hệ thống du lịch quốc gia; dự kiến tổng mức đầu tư; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3	56
c	Xây dựng báo cáo tổng hợp danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư cho phát triển du lịch và thứ tự ưu tiên thực hiện	CG1, CG2	25
11	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3	56
b	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	56
c	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	56
d	Giải pháp về liên kết, hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch	CG1, CG2, CG3	56

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
đ	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	56
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	56
g	Xây dựng báo cáo tổng hợp các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	37
12	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam trong khu vực và trên thế giới	CG2, CG3, CG4	105
b.2	Bản đồ đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng ngành du lịch quốc gia	CG3, CG4	119
b.3	Bản đồ quy hoạch phát triển hệ thống tài nguyên du lịch quốc gia	CG3, CG4	119
b.4	Bản đồ quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	CG3, CG4	119
b.5	Xây dựng bản đồ định hướng tổ chức không gian, tuyến, điểm du lịch	CG3, CG4	119
b.6	Xây dựng bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư liên quan đến hạ tầng ngành du lịch quốc gia	CG3, CG4	119
b.7	Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm thuộc hạ tầng ngành du lịch	CG3, CG4	119

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.8	Xây dựng bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm thuộc hạ tầng ngành du lịch	CG3, CG4	119
13	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3	350
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	40
14	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	55
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	55
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
15	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	100

VI-1.9. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU CÁ

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**	CG1, CG2, CG3	45

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	120
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	7
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	20
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	22
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	5
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	5
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	9
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2	9
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG3	12
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan	CG2, CG3, CG4	150
b	Tổng hợp đánh giá các thông tin, tài liệu thu thập được	CG2, CG3	40
c	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG2, CG3, CG4	250
d	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	CG2, CG3	120

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
2	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian đối với hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**		
a	Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh	CG1, CG2, CG3	220
b	Thực trạng phân bố, sử dụng không gian đối với hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG2, CG3	245
3	**Phân tích xu thế phát triển kinh tế - xã hội, môi trường pháp lý trong và ngoài nước, khoa học, công nghệ, quản lý vận hành và các kịch bản phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2	250
4	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên phạm vi cả nước	CG1, CG2, CG3	180
b	Đánh giá sự liên kết giữa hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG3	180
5	**Xác định các yêu cầu phát triển cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; những cơ hội và thách thức phát triển của hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**		
a	Xác định yêu cầu, nhu cầu phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên cơ sở các định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành thủy sản, quy hoạch tổng	CG1, CG2, CG3	285

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	thể quốc gia, quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan trong thời kỳ quy hoạch		
b	Phân tích, đánh giá các cơ hội và thách thức trong phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	120
6	**Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Xác định quan điểm phát triển xét về lợi ích kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quốc phòng, an ninh	CG1, CG2	90
b	Xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và định hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
7	**Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên toàn quốc, vùng lãnh thổ**		
a	Phân bố và tổ chức không gian phát triển kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão (quy mô, mạng lưới luồng, tuyến)	CG1, CG2, CG3	150
b	Xác định loại hình, vai trò, vị trí, quy mô, công suất, định hướng khai thác sử dụng và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, công nghệ gắn với phân cấp, phân loại theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng công trình trong hệ thống kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	CG1, CG2, CG3	250
c	Phương án kết nối giữa hệ thống kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, điện lực, thông tin liên lạc, phòng, chống thiên tai và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác	CG1, CG2, CG3	200

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Giải pháp về quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	CG1, CG2, CG3	150
8	**Định hướng bố trí sử dụng đất (bao gồm cả mặt nước) cho phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến việc phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**	CG1, CG2, CG3	250
9	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia và các dự án ưu tiên đầu tư thuộc hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, xác định thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	90
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành về phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; dự kiến tổng mức đầu tư; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2	180
10	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá quốc gia với khu vực và quốc tế	CG2, CG3	90
b.2	Bản đồ hiện trạng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1, CG2, CG3	130
b.3	Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1, CG2, CG3	120
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1, CG2, CG3	120
đ	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm bố trí cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1, CG2, CG3	120
e	Bản đồ định hướng sử dụng đất các khu vực trọng điểm bố trí cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	CG1, CG2, CG3	120
11	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2	65
b	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2	65
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2	65
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2	65
đ	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2	65
e	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2	65
12	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	220
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
13	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	45

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
14	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG3	120
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG2, CG3	100

VI-1.10. QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, nông thôn**	CG3, CG4	90
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, nông thôn**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	120
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG2, CG3,	12
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	64
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	105

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	20
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	64
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG2, CG3, CG4	75
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3	48
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG2, CG4	25
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3,	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra, thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu	CG3, CG4	68
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia	CG3, CG4	68
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG3, CG4	158
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3	150
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu môi trường bên ngoài tác động đến hệ thống đô thị và nông thôn**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường cho phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3	100
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường	CG3, CG4	108
3	**Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội cả nước; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, biến động về dân số, đất đai, hiện trạng hạ tầng	CG2, CG3, CG4	185

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các chương trình dự, án đầu tư phát triển đô thị và nông thôn, tài nguyên và môi trường quốc gia		
b	Đánh giá kết quả công tác xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn; công tác quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị và nông thôn	CG1, CG3, CG4	99
4	**Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo xu thế phát triển phát triển kinh tế - xã hội và môi trường, kịch bản biến đổi khí hậu của quốc gia có tác động tới sự phát triển của hệ thống đô thị và nông thôn	CG2, CG3, CG4	80
b	Dự báo xu thế phát triển không gian hệ thống đô thị và nông thôn cả nước, gồm mạng lưới đô thị và nông thôn trên phạm vi từng vùng và trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia; các đô thị lớn, cực lớn; các chuỗi và chùm đô thị	CG2, CG3, CG4	100
c	Xây dựng các kịch bản phát triển đô thị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và bối cảnh phát triển thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	154
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển hệ thống đô thị và nông thôn**		
a	Sự phối hợp, kết hợp giữa các địa phương trong phát triển đô thị, nông thôn trên phạm vi vùng lãnh thổ; sự liên kết giữa phát triển đô thị và phát triển nông thôn	CG2, CG3	100
b	Đánh giá về sự phát triển cân đối giữa các vùng, lãnh thổ; liên kết phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực phát triển và sự phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo công bằng lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển đô thị và nông thôn	CG2, CG3	100
6	**Yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia**		
a	Xác định các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống đô thị quốc gia	CG1, CG2, CG3	32
b	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức trong việc phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	82
c	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với hệ thống đô thị và nông thôn	CG1, CG2, CG3	32
7	**Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch**	CG1, CG2, CG3, CG4	83
8	**Xác định phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ**		
a	Xác định các chỉ tiêu dự báo, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về phát triển đô thị và nông thôn của cả nước, từng vùng lãnh thổ phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển	CG2, CG3, CG4	72
b	Đề xuất, lựa chọn khung phát triển đô thị, nông thôn quốc gia, bao gồm mạng lưới đô thị và nông thôn trong từng vùng và trên toàn lãnh thổ quốc gia	CG2, CG3, CG4	54
c	Đề xuất mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội	CG2, CG3, CG4	82

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Đề xuất định hướng các vùng phát triển đô thị và phân bố mạng lưới đô thị; phân cấp, phân loại hệ thống đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định các đô thị có vai trò trung tâm cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia	CG2, CG3, CG4	82
đ	Đề xuất định hướng, nguyên tắc tổ chức, phân bố dân cư nông thôn tại các vùng lãnh thổ	CG2, CG3, CG4	82
e	Xác định các vùng, khu vực lãnh thổ giành cho mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn trên cả nước và các vùng, theo từng giai đoạn quy hoạch	CG2, CG3, CG4	82
g	Xác định các nguyên tắc, yêu cầu bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, khai thác và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả; đề xuất các tiêu chuẩn lựa chọn, khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, nông thôn	CG2, CG3, CG4	64
h	Định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn	CG2, CG3, CG4	82
i	Định hướng về chương trình phát triển đô thị quốc gia và từng tỉnh	CG2, CG3, CG4	82
k	Xác định các giải pháp liên kết phát triển giữa các đô thị, giữa phát triển đô thị và phát triển nông thôn	CG2, CG3, CG4	72
l	Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng, liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, bao gồm giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, khả năng thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang	CG2, CG3, CG4	72
9	**Định hướng bố trí sử dụng đất phát triển hệ thống đô thị, nông thôn quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia trong phát triển đô thị và nông thôn**	CG2, CG3, CG4	150

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
10	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia trong thời kỳ quy hoạch	CG2, CG3, CG4	90
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành về phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; dự kiến tổng mức đầu tư; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	120
11	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về pháp luật, cơ chế, chính sách	CG2, CG3	75
b	Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG2, CG3	75
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG2, CG3	75
d	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG2, CG3	75
đ	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	75
12	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của đô thị và nông thôn quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1, CG2, CG3	50
b.2	Bản đồ hiện trạng đô thị và nông thôn	CG1, CG2, CG3	150
b.3	Bản đồ định hướng phát triển đô thị và nông thôn	CG1, CG2, CG3	150
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư	CG1, CG2, CG3	150
13	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG2, CG3	300
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3	50
14	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	30
15	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG1, CG2, CG3	120
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	100
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	150

VI-2. ĐỊNH MỨC QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG QUỐC PHÒNG, AN NINH[3]

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu**	CG3, CG4	20
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2	28
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2	10
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2	5
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2	5
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và các nội dung đề xuất	CG1, CG2	90
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2	7
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	7
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2	10
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG3	6
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG3	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG3	5

[3] Áp dụng đối với các quy hoạch: (i) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao; (ii) Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập; (iii) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm; (iv) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; (v) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (vi) Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; (vii) Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; (viii) Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; (ix) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia; (x) Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng; (xi) Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; (xii) Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, (xiii) Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản.

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu, tài liệu (Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bản đồ, sơ đồ, xây dựng mẫu phiếu điều tra…)	CG2, CG3, CG4	27
b	Thu thập số liệu, dữ liệu ban đầu về KCHT ngành	CG2, CG3, CG4	115
c	Khảo sát, điều tra bổ sung	CG2, CG3, CG4	100
d	Xử lý thông tin	CG2, CG3, CG4	100
2	**Điều tra, khảo sát thông tin, dữ liệu bên ngoài tác động đến ngành được lập quy hoạch**		
a	Thu thập số liệu, tài liệu về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường cho phát triển ngành	CG2, CG3, CG4	115
b	Thu thập số liệu, tài liệu về thị trường của ngành	CG2, CG3, CG4	70
3	**Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh, thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh**		
a	Phân tích, đánh giá tổng quan về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực ảnh hưởng đến phát triển ngành, lĩnh vực hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG2, CG3	90
b	Phân tích, đánh giá bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến phát triển ngành, lĩnh vực hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG2, CG3	90
c	Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG2, CG3	160

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
4	**Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh**		163
5	**Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong việc phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, những cơ hội và thách thức**		
a	Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước	CG1, CG2, CG2	55
b	Đánh giá sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ	CG1, CG2, CG2	55
c	Đánh giá về liên kết vùng, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG2	55
d	Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với việc phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch về quy mô, địa bàn phân bố	CG1, CG2, CG2	55
đ	Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG2	55
e	Phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG2	80
6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quy hoạch**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Xác định các quan điểm phát triển	CG1, CG2	90
b	Xác định các mục tiêu phát triển	CG1, CG2	110
7	**Phương án phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh**		
a	Định hướng phát triển cấu trúc mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh; xác định số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành gắn với phân cấp, phân loại cơ sở	CG1, CG2, CG3	148
b	Định hướng phân bố không gian các cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh theo vùng, đơn vị hành chính cấp tỉnh	CG1, CG2, CG3	148
c	Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG3	73
d	Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến việc phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh	CG1, CG2, CG3	110
8	**Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành, và thứ tự ưu tiên thực hiện**		
a	Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng xã hội quốc gia, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3	43
b	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành, lĩnh vực hạ	CG1, CG2, CG4	65

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
	tầng xã hội, cơ sở hạ tầng quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quy hoạch, dự kiến tổng mức đầu tư, đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư		
9	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế, chính sách	CG1, CG2, CG3	63
b	Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	CG1, CG2, CG3	48
c	Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3	53
d	Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển	CG1, CG2, CG3	53
đ	Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền	CG1, CG2, CG3	48
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3	53
g	Giải pháp huy động và phân bổ vốn đầu tư	CG1, CG2, CG3	95
h	Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động	CG1, CG2, CG3	73
i	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3	35
10	**Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của kết cấu hạ tầng xã hội quốc gia, hạ tầng quốc phòng, an ninh quốc gia với khu vực và quốc tế	CG1, CG2, CG3	51
b.2	Bản đồ hiện trạng ngành kết cấu hạ tầng hạ tầng xã hội quốc gia, hạ tầng quốc phòng, an ninh quốc gia	CG1, CG2, CG3	73
b.3	Bản đồ định hướng phát triển ngành kết cấu hạ tầng xã hội quốc gia, hạ tầng quốc phòng, an ninh quốc gia	CG1, CG2, CG3	79
b.4	Bản đồ bố trí không gian các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành	CG1, CG2, CG3	75
b.5	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng xã hội; quốc phòng, an ninh cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3	75
b.6	Bản đồ định hướng sử dụng đất các các khu vực trọng điểm của ngành kết cấu hạ tầng xã hội; hạ tầng quốc phòng, an ninh quốc gia	CG1, CG2, CG3	85
11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo báo cáo tổng hợp	CG1, CG2	230
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2	50
12	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	35
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	35
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	25

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**	CG1, CG2	100
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	50
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3	100

VI-3. BẢNG HỆ SỐ KHÁC BIỆT NGÀNH (H_N) KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI, HẠ TẦNG QUỐC PHÒNG, AN NINH

TT	Tên Quy hoạch	Hệ số H_N
1	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản	1,2
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao	1,1
3	Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập	0,7
4	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm	1,3
5	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	0,8
6	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp	1,3
7	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội	0,8
8	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	0,8
9	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế	1,3
10	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia	1,0
11	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng	1,0
12	Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	1,0
13	Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	0,8

VI-4. ĐỊNH MỨC QUY HOẠCH NGÀNH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

VI-4.1. QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ**	CG1, CG2, CG3, CG4	45
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	86
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	15
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	10
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	33
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	29
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3, CG4	8
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	3
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	57
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	51

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG2, CG3, CG4	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3, CG4	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	416
b	Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung	CG1, CG2, CG3, CG4	471
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	74
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1, CG2, CG3, CG4	34
2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ**		
a	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường vùng bờ; tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	196
b	Phân tích, đánh giá công tác điều tra, khảo sát, thăm dò các dạng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	185
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	107
d	Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3	80
đ	Phân tích, đánh giá việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển	CG1, CG2, CG3	100

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
e	Phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	140
g	Phân tích, đánh giá nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	75
3	**Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ**		
a	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh; môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; phòng, chống tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b	Đánh giá xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	160
c	Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ đến yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	140
4	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có liên quan**		
a	Phân tích, đánh giá đặc điểm kinh tế, xã hội vùng bờ; chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Phân tích, đánh giá thực trạng về thể chế, chính sách quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	70
c	Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quy hoạch liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3	55

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
5	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Phân tích dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b	Phân tích, dự báo bối cảnh và kịch bản phát triển; phân tích lợi thế cạnh tranh, các cơ hội và thách thức trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	250
c	Phân tích, dự báo tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ	CG1, CG2	380
6	**Quan điểm, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**		
a	Xây dựng quan điểm khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ tiết kiệm, hiệu quả và bền vững dựa trên tiếp cận hệ sinh thái; giải quyết cơ bản các mâu thuẫn, chồng chéo trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	180
b	Xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể	CG1, CG2, CG3, CG4	100
7	**Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên thuộc vùng bờ**		
a	Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ theo nguyên tắc quy định tại Điều 33 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13	CG1, CG2, CG3, CG4	280
b	Khoanh vùng các khu vực cấm khai thác tài nguyên thuộc vùng bờ trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	420

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Xác định các khu vực hạn chế khai thác tài nguyên; đề xuất các điều kiện cho phép khai thác và giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	550
d	Xác định các khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên thuộc vùng bờ; đề xuất các giải pháp về khoa học, công nghệ, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu của việc khai thác tài nguyên đến môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	450
8	**Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ**		
a	Định hướng kết hợp trách nhiệm bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai với khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	180
b	Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái môi trường vùng bờ do khai thác, sử dụng tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu	CG1, CG2, CG3, CG4	190
c	Đề xuất các biện pháp phục hồi môi trường vùng bờ trong và sau khi khai thác, sử dụng tài nguyên	CG1, CG2, CG3, CG4	150
9	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Các giải pháp về quản lý	CG1, CG2, CG3, CG4	111
b	Các giải pháp khoa học công nghệ, môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	124
c	Các giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1, CG2, CG3, CG4	80
d	Các giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2, CG3, CG4	129
đ	Các giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	146

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
e	Các giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3, CG4	45
g	Các giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	212
10	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	250
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	40
11	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội và hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	200
b.2	Bản đồ hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	120
b.3	Bản đồ phân vùng chức năng vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	80
b.4	Bản đồ các khu vực chồng lấn, mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	150
b.5	Bản đồ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ	CG1, CG2, CG3, CG4	250
b.6	Bản đồ các khu vực trọng điểm có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000	CG1, CG2, CG3, CG4	80

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
12	**Chỉnh sửa, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	55
b	Chỉnh sửa, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	55
c	Chỉnh sửa, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	50
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	150

VI-4.2. QUY HOẠCH ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản**	CG1, CG2, CG3, CG4	30
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	35
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	12
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	40
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	60
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3, CG4	50
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3, CG4	8
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	6
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	55
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	30
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG2, CG3, CG4	8
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3, CG4	15
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập và xử lý tài liệu, số liệu		
a.1	Thu thập tài liệu, số liệu ban đầu	CG1, CG2, CG3, CG4	126
a.2	Điều tra, khảo sát thu thập thông tin trực tiếp của ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	152
a.3	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung	CG1, CG2, CG3, CG4	63

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a.4	Xử lý, tổng hợp tài liệu, số liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	127
b	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên	CG2, CG3, CG4	98
c	Phân tích, đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản		
c.1	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản nhiên liệu, than và dầu khí	CG2, CG3, CG4	50
c.2	Phân tích đánh giá hiện trạng về dịa chất khoáng sản công nghiệp (khoáng sản phục vụ phát triển ngành công nghiệp khai khoáng)	CG2, CG3, CG4	50
c.3	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng (khoáng sản phục vụ ngành xây dựng)	CG2, CG3, CG4	50
c.4	Phân tích đánh giá hiện trạng về địa chất khoáng sản phóng xạ	CG2, CG3, CG4	50
c.5	Phân tích đánh giá hiện trạng công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2, CG3, CG4	50
c.6	Phân tích đánh giá hiện trạng nhân lực trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2, CG3, CG4	50
c.7	Phân tích đánh giá hiện trạng công tác quản lý nhà nước trong công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG2, CG3, CG4	50
d	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch trước		
d.1	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản nhiên liệu, than và dầu khí	CG2, CG3, CG4	50
d.2	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản công nghiệp	CG2, CG3, CG4	50
d.3	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng	CG2, CG3, CG4	50
d.4	Đánh giá kết quả thực hiện kỳ quy hoạch điều tra cơ bản về đại chất khoáng sản phóng xạ	CG2, CG3, CG4	50

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
2	**Đánh giá tác động của hoạt động điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản tới phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường**		
a	Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội		
a.1	Đánh giá tác động của công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành công nghiệp	CG2, CG3, CG4	50
a.2	Đánh giá tác động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển của ngành xây dựng	CG2, CG3, CG4	50
a.3	Đánh giá tác động hoạt động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển những ngành kinh tế khác (thương mại, du lịch và nông nghiệp)	CG2, CG3, CG4	50
a.4	Đánh giá tác động hoạt động điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với tình hình phát triển các ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước)	CG2, CG3, CG4	50
b	Tác động của việc điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đến nguồn tài nguyên thiên nhiên khác	CG1, CG2, CG3, CG4	80
c	Tác động đến môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái		
c.1	Tác động đến môi trường	CG2, CG3, CG4	40
c.2	Tác động đến đa dạng sinh học	CG2, CG3, CG4	40
c.3	Tác động đến cảnh quan và dịch vụ hệ sinh thái	CG2, CG3, CG4	40
3	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản**		

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
a	Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến điến điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	101
b	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển của các chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường liên quan đến điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	101
c	Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng về huy động nguồn lực, hợp tác quốc tế trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	101
4	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
a.1	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản nhiên liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	52
a.2	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản công nghiệp	CG1, CG2, CG3, CG4	52
a.3	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản vật liệu xây dựng	CG1, CG2, CG3, CG4	52
a.4	Dự báo tiến bộ khoa học công nghệ trong điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản phóng xạ	CG1, CG2, CG3, CG4	52
b	Tác động của phát triển kinh tế - xã hội tới điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
b.1	Dự báo bối cảnh kinh tế xã hội trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	30
b.2	Dự báo sự phát triển của ngành công nghiệp tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	30

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.3	Dự báo sự phát triển của ngành xây dựng tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	30
b.4	Dự báo sự phát triển của ngành kinh tế khác tác động đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	30
b.5	Dự báo sự phát triển cả ngành kết cấu hạ tầng đến công tác điều tra cơ bản địa chất khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	30
c	Dự báo những tác động của hoạt động điều tra cơ bản về dịa chất khoáng sản đối với bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	50
5	**Quan điểm, mục tiêu của hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**		
a	Quan điểm về điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	52
b	Quan điểm về huy động nguồn lực cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	52
c	Mục tiêu, yêu cầu đối với công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; chỉ tiêu đánh giá kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; khai thác sử dụng kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	72
6	**Xác định các nhiệm vụ trọng tâm của công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trong kỳ quy hoạch**		
a	Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về địa chất, khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	125
b	Đánh giá tiềm năng từng loại, từng nhóm khoáng sản; xác định vùng có triển vọng về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	81
c	Đánh giá tình hình đầu tư, thiết bị, kỹ thuật, phương pháp phân tích, thí nghiệm phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	81

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Dự kiến quy mô đầu tư, nhu cầu về thiết bị, kỹ thuật, phương pháp phân tích, thí nghiệm phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	81
đ	Xác định danh mục các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vốn	CG1, CG2, CG3, CG4	81
7	**Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động khoáng sản**		
a	Dự báo và đề xuất biện pháp ngăn ngừa các nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, những tác động tiêu cực lên khu vực cộng đồng dân cư do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	59
b	Đề xuất các biện pháp phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	59
c	Đề xuất các biện pháp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và giảm thiểu tác động tiêu cực của việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	59
8	**Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về cơ chế quản lý, tài chính cho các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	81
b	Giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và phân tích thí nghiệm các loại mẫu vật địa chất, khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	78
c	Giải pháp khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	52

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1, CG2, CG3, CG4	35
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2, CG3, CG4	62
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	25
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	79
9	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	180
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG4	60
10	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in địa chất và điều tra khoáng sản	CG1, CG2, CG3, CG4	280
11	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	45
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	45
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	25

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
12	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	150

VI-4.3. QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
A	**ĐỊNH MỨC CHO NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Thu thập thông tin dữ liệu ban đầu phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch tài nguyên nước**	CG1, CG2, CG3, CG4	45
2	**Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch tài nguyên nước**		
a	Khảo sát phục vụ nhiệm vụ lập quy hoạch tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	86
b	Xây dựng các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch		
b.1	Phạm vi, ranh giới, thời kỳ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	18
b.2	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	10
b.3	Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	33
b.4	Nội dung chính của quy hoạch và nội dung đề xuất	CG1, CG2, CG3	29
b.5	Đánh giá môi trường chiến lược	CG1, CG2, CG3, CG4	8

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.6	Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch	CG1, CG2	3
c	Xây dựng các yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	57
d	Xây dựng kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	51
3	**Xây dựng dự toán lập quy hoạch và các nội dung đề xuất**	CG1, CG2, CG3, CG4	10
4	**Xây dựng các dự thảo văn bản trình phê duyệt**	CG1, CG2, CG3, CG4	5
B	**ĐỊNH MỨC CHO LẬP QUY HOẠCH**		
1	**Điều tra thu thập thông tin dữ liệu nội tại của ngành**		
a	Thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	116
b	Điều tra, khảo sát thực địa	CG1, CG2, CG3, CG4	171
c	Tổng hợp xử lý các thông tin, tài liệu, dữ liệu	CG1, CG2, CG3, CG4	74
d	Lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin, tài liệu, dữ liệu tổng hợp và theo từng đầu mục nội dung	CG1, CG2, CG3, CG4	34
2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò, hiện trạng khai thác, sử dụng, tài nguyên nước**		
a	Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	96
b	Đánh giá tổng quan về các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	85

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Đánh giá tổng quan hiện trạng tài nguyên nước; hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	107
3	**Đánh giá tổng quan tác động của việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái**		
a	Tác động của việc khai thác sử dụng tài nguyên nước đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường	CG1, CG2, CG3, CG4	83
b	Các mâu thuẫn, cạnh tranh trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	88
c	Đánh giá sơ bộ các khu vực bị xâm nhập mặn, sụt lún đất hoặc có nguy cơ sụt lún đất do khai thác nước dưới đất gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	80
4	**Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước**		
a	Phân tích, đánh giá tổng quan tác động của các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và các quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	87
b	Phân tích, đánh giá xu thế biến động tài nguyên nước và nhu cầu khai thác, sử dụng nước phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	51

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
c	Phân tích, đánh giá tổng quan thực trạng đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động và các nguồn lực phát triển khác trong lĩnh vực khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	16
5	**Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch**		
a	Dự báo xu thế biến động tài nguyên nước, gồm xu thế biến động về trữ lượng nước mặt, nước dưới đất; xu thế biến động về chất lượng nước	CG1, CG2, CG3, CG4	165
b	Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước; đánh giá mức độ khai thác và khả năng đáp ứng của tài nguyên nước cho phát triển kinh tế - xã hội	CG1, CG2, CG3, CG4	146
c	Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ tác động tới việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	47
6	**Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**		
a	Xác định quan điểm quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	57
b	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	62
7	**Định hướng việc xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)**		
a	Khoanh vùng các khu vực cấm khai thác tài nguyên nước trong thời kỳ quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	131

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Xác định các khu vực hạn chế khai thác tài nguyên nước; đề xuất các điều kiện cho phép khai thác và giải pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	97
c	Khoanh vùng các khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xác định quy mô, công suất khai thác; yêu cầu về công nghệ khai thác và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	162
d	Định hướng điều hòa nước giữa các lưu vực sông; xác định vị trí, dự kiến diện tích xây dựng các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước quy mô lớn	CG1, CG2, CG3, CG4	137
8	**Định hướng điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; xác định yêu cầu chuyển nước giữa các lưu vực sông; xác định các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước quy mô lớn; xác định thứ tự ưu tiên lập quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước trên các lưu vực sông**		
a	Định hướng phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt và phục hồi nguồn nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nước; bảo vệ nguồn thủy sinh	CG1, CG2, CG3, CG4	169
b	Định hướng phòng chống và khắc phục tác hại do nước gây ra	CG1, CG2, CG3, CG4	101
c	Định hướng ứng phó với biến đổi khí hậu trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	106
9	**Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**		
a	Giải pháp về pháp luật, chính sách	CG1, CG2, CG3, CG4	76

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b	Giải pháp về tài chính, đầu tư	CG1, CG2, CG3, CG4	101
c	Giải pháp khoa học và công nghệ	CG1, CG2, CG3, CG4	127
d	Giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức	CG1, CG2, CG3, CG4	35
đ	Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực	CG1, CG2, CG3, CG4	122
e	Giải pháp về hợp tác quốc tế	CG1, CG2, CG3, CG4	45
g	Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	167
10	**Xây dựng báo cáo quy hoạch**		
a	Xây dựng báo cáo tổng hợp	CG1, CG2, CG3, CG4	190
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt	CG1, CG2, CG3, CG4	20
11	**Xây dựng hệ thống bản đồ số và bản đồ in**		
a	Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành		
a.1	Nghiên cứu, xử lý tổng hợp các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các chuyên ngành và nhóm ngành	CG1, CG2, CG3, CG4	50
a.2	Xử lý, chồng lớp bản đồ theo các đối tượng không gian cấp quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Biên tập hệ thống bản đồ số và bản đồ in sản phẩm cuối cùng		
b.1	Bản đồ tổng hợp hiện trạng tài nguyên nước quốc gia	CG1, CG2, CG3, CG4	185

TT	Nội dung	Mức chuyên gia	Ngày công quy đổi
b.2	Bản đồ định hướng phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước	CG1, CG2, CG3, CG4	200
12	**Xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào báo cáo quy hoạch**		
a	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về thực trạng thực hiện quy hoạch giai đoạn trước	CG2, CG3, CG4	40
b	Xử lý, tích hợp đánh giá ĐMC về các định hướng quy hoạch	CG2, CG3, CG4	40
c	Xử lý, tích hợp các giải pháp về ĐMC và các kiến nghị với quy hoạch	CG2, CG3, CG4	20
13	**Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch**		
a	Xây dựng cơ sở dữ liệu của quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	100
b	Thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	CG1, CG2, CG3, CG4	150

(Xem tiếp Công báo số 481+ 482)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng